



**ĐỀ CƯƠNG GIỚI THIỆU, PHỔ BIẾN
LUẬT PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT SỐ 12/2026/QH16**

**(Tài liệu dành cho Báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh,
Tuyên truyền viên pháp luật cấp xã trên địa bàn tỉnh Điện Biên)**

Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật số 12/2026/QH16 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XVI, Kỳ họp không thường lệ thứ Nhất thông qua ngày 23 tháng 8 năm 2026; có hiệu lực thi hành từ ngày 01/3/2027 và thay thế Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật số 14/2012/QH13, trừ trường hợp chuyển tiếp quy định tại khoản 2 Điều 39 của Luật.

PHẦN I. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH LUẬT

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

- Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới đặt ra yêu cầu tiếp tục đổi mới công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức thượng tôn Hiến pháp và pháp luật.

- Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới đặt ra yêu cầu đổi mới tư duy, phương thức tổ chức thi hành pháp luật và tăng cường truyền thông, phổ biến chính sách, pháp luật.

- Kết luận số 80-KL/TW ngày 20/6/2020 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 32-CT/TW tiếp tục khẳng định vai trò, trách nhiệm của cả hệ thống chính trị đối với công tác phổ biến, giáo dục pháp luật.

- Nghị quyết số 105/2025/UBTVQH15 ngày 26/9/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Chương trình lập pháp năm 2026 là cơ sở để nghiên cứu, xây dựng Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2026.

2. Cơ sở thực tiễn

Sau 13 năm thi hành Luật số 14/2012/QH13, công tác phổ biến, giáo dục pháp luật (PBGDPL) đã nhận được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền, các ngành, các cấp từ Trung ương đến cơ sở; đạt được một số kết quả như: Việc tổ chức thực hiện PBGDPL ngày càng được chú trọng, dần đi vào nền nếp, huy động toàn xã hội tham gia, qua đó đưa chính sách, pháp luật đi vào đời sống thực tiễn; hoạt động họp báo, ra thông cáo báo chí, quán triệt, xây dựng tài liệu giới thiệu mục đích, ý nghĩa và nội dung cơ bản, điểm mới, đồng thời

hướng dẫn, định hướng phổ biến các luật, pháp lệnh, văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) mới ban hành được triển khai kịp thời, bám sát từng kỳ họp của Quốc hội; công tác xây dựng, ban hành kế hoạch, văn bản chỉ đạo, định hướng truyền thông chính sách, PBGDPL, nhất là các chính sách, văn bản quan trọng, có tác động rộng, lớn đến xã hội, người dân, doanh nghiệp, những vấn đề được dư luận xã hội quan tâm hoặc cần định hướng dư luận xã hội từng bước được quan tâm và đẩy mạnh; nội dung, hình thức PBGDPL đa dạng, phong phú, bám sát nhu cầu xã hội, việc ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong PBGDPL được chú trọng; tương tác, trả lời các vấn đề pháp luật mà người dân, doanh nghiệp quan tâm và tổng hợp, xử lý phản ánh, kiến nghị về VBQPPL trên môi trường số bảo đảm thuận tiện, kịp thời, nhanh chóng; ngân sách nhà nước đã bố trí kinh phí hằng năm dành cho công tác PBGDPL; một số cơ quan, tổ chức bước đầu đã thực hiện xã hội hóa, huy động nguồn lực xã hội, nhất là sự hỗ trợ, đóng góp của tổ chức, doanh nghiệp trong triển khai các hoạt động hưởng ứng Ngày Pháp luật Việt Nam. Qua đó nâng cao ý thức tuân thủ, chấp hành pháp luật của cán bộ, công chức, viên chức và Nhân dân, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

Tuy nhiên, qua tổng kết cho thấy, bên cạnh những kết quả đạt được, việc triển khai thi hành Luật PBGDPL còn một số hạn chế, bất cập, cụ thể:

2.1. Bất cập, hạn chế từ quy định của Luật PBGDPL

Thứ nhất, chưa quy định rõ trách nhiệm của cơ quan chủ trì soạn thảo VBQPPL trong việc phổ biến, giáo dục văn bản đến đối tượng chịu sự tác động trực tiếp để giúp thực thi được kịp thời, hiệu quả, thống nhất. Chủ thể và nội dung quản lý nhà nước về PBGDPL theo quy định hiện hành chưa phù hợp. Luật Ban hành VBQPPL năm 2025 đã quy định về trách nhiệm, quy trình xây dựng, soạn thảo VBQPPL nhưng Luật PBGDPL chưa quy định rõ trách nhiệm và quy trình PBGDPL đối với văn bản đó. Đồng thời Luật cũng chưa quy định trách nhiệm thực hiện PBGDPL chuyên ngành của các bộ, cơ quan ngang bộ thuộc phạm vi và lĩnh vực được giao quản lý theo đề nghị của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận, tạo điều kiện cho Mặt trận thực hiện công tác PBGDPL đến các thành viên, hội viên và Nhân dân. Ngoài ra, một số nội dung về quản lý nhà nước chưa đầy đủ, chưa phù hợp với từng chủ thể quản lý nhà nước ở các cấp; một số quy định về trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương về PBGDPL không còn phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 2 cấp; quyền, nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân về PBGDPL chưa được quy định rõ nhằm bảo đảm và thực hiện quyền và nâng cao trách nhiệm, nghĩa vụ; chưa quy định rõ cơ chế giao trách nhiệm cho người đứng đầu chính quyền địa phương, nhất là cấp xã trong tổ chức thực hiện công tác PBGDPL trên địa bàn.

Thứ hai, quy định về đối tượng đặc thù chưa bao quát, phù hợp với thực tế. Ngoài 06 nhóm đặc thù được Luật quy định hiện nay (người dân tộc thiểu số, người khuyết tật, nạn nhân bạo lực gia đình, người lao động trong các doanh nghiệp, người đang chấp hành hình phạt tù, đang bị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc, đang bị áp

dụng biện pháp giáo dục tại cấp xã), còn có một số đối tượng khác cũng thuộc nhóm dễ bị tổn thương, yếu thế, hạn chế điều kiện tiếp cận pháp luật, nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật chưa cao nhưng rất cần sự quan tâm và xác định rõ là đối tượng đặc thù (ví dụ người nghèo, cận nghèo, người có hành vi bạo lực, người có nguy cơ vi phạm pháp luật).

Bên cạnh đó, Luật PBGDPL hiện hành chỉ quy định đối tượng, nội dung PBGDPL cho từng đối tượng đặc thù nhưng chưa rõ và đầy đủ trách nhiệm của cơ quan, tổ chức có liên quan, nhất là trách nhiệm, vai trò của cơ quan quản lý nhà nước về đối tượng đặc thù và chính quyền địa phương các cấp, bảo đảm công tác quản lý, chỉ đạo, định hướng, theo dõi, hướng dẫn hoạt động PBGDPL cho đối tượng đặc thù kịp thời, hiệu quả, phù hợp. Đặc biệt chưa có cơ chế, chính sách ưu tiên PBGDPL cho đối tượng đặc thù, dẫn đến kết quả, hiệu quả PBGDPL trong thời qua chưa rõ nét, chưa được đầu tư nguồn lực phù hợp, tương xứng.

Thứ ba, chưa quy định về bồi dưỡng pháp luật cho công chức, viên chức. Thời gian qua, Đảng và Nhà nước đã quan tâm, chú trọng triển khai công tác bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, kiến thức quản lý nhà nước cho cán bộ, công chức. Tuy nhiên, năng lực chuyên môn, trong đó có kiến thức pháp luật của cán bộ, công chức, viên chức, nhất là cấp cơ sở còn hạn chế.

Thứ tư, công tác giáo dục pháp luật trong các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân chậm được đổi mới, Luật chưa quy định và phân định rõ trách nhiệm của cơ quan, tổ chức có liên quan, nhất là trách nhiệm của Bộ Tư pháp, Bộ Giáo dục và Đào tạo và cơ sở giáo dục; chưa chú trọng nâng cao năng lực, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức pháp luật và kỹ năng PBGDPL cho đội ngũ giáo viên, giảng viên dạy pháp luật, giáo dục công dân cũng như trang bị kiến thức pháp luật liên quan đến ngành, nghề đào tạo của sinh viên.

Thứ năm, quy định về báo cáo viên pháp luật các cấp còn bó hẹp trong phạm vi cán bộ, công chức, viên chức và sĩ quan trong lực lượng vũ trang nhân dân, dẫn đến chưa thu hút, huy động rộng rãi nguồn lực xã hội, nhất là đội ngũ chuyên gia có kiến thức pháp lý chuyên sâu, có kinh nghiệm, kỹ năng PBGDPL, quân nhân chuyên nghiệp trong các lực lượng vũ trang, luật sư, luật gia, người có uy tín tại cộng đồng... Quy định về thẩm quyền công nhận, miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật của các cơ quan, tổ chức ở trung ương chưa phù hợp với chủ trương đẩy mạnh phân cấp, phân quyền và gắn với trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức đó; vận hành chính quyền địa phương 2 cấp không còn báo cáo viên pháp luật cấp huyện. Đặc biệt còn thiếu cơ chế, chính sách động viên, khuyến khích lực lượng này tham gia công tác PBGDPL.

Thứ sáu, chưa quy định đầy đủ, tạo hành lang pháp lý đồng bộ cho việc đổi mới công tác PBGDPL theo hướng ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, từ công tác quản lý đến tổ chức hoạt động PBGDPL cho người dân, doanh nghiệp. Các cơ quan, địa phương đã đẩy mạnh các hoạt động PBGDPL trên môi trường số như: xây dựng các Công/Trang thông tin điện tử, qua các nền tảng số (Zalo, Facebook, Tiktok,...), sử dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong cung cấp thông tin pháp luật,... Thực tế này đặt ra yêu cầu hoàn thiện các quy định pháp luật về PBGDPL

để một mặt tăng cường quản lý nhà nước, mặt khác tạo cơ sở pháp lý cho việc ứng dụng các nền tảng số, mạng xã hội trong PBGDPL, bảo đảm kịp thời, nhanh chóng, hiệu quả, đáp ứng nhu cầu của người dân, doanh nghiệp.

Các bộ, cơ quan, tổ chức ở trung ương, địa phương, nhất là các cơ quan truyền thông, báo chí chủ lực quốc gia và hệ thống Đài phát thanh, truyền hình địa phương đã tham gia tích cực vào công tác truyền thông chính sách, PBGDPL. Tuy nhiên, để nâng cao chất lượng, hiệu quả và yêu cầu của nhiệm vụ chính trị trong truyền thông chính sách, PBGDPL, bên cạnh nhiệm vụ kinh doanh, tự chủ tài chính, cần xác định rõ trách nhiệm của cơ quan thông tin, báo chí trong truyền thông chính sách, PBGDPL, phát huy vị trí, vai trò và thế mạnh của các cơ quan này, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của báo chí theo quy định mới của pháp luật, kịp thời thông tin đưa các chủ trương, chính sách, pháp luật đi vào cuộc sống.

Thứ bảy, Hội đồng phối hợp PBGDPL Trung ương, cấp tỉnh đã được duy trì và thực hiện quyền hạn, nhiệm vụ được giao theo quy định và kế hoạch hằng năm. Cơ chế Hội đồng phối hợp liên ngành trong thời gian qua đã phát huy được vai trò và hiệu quả. Các nhiệm vụ PBGDPL có liên quan đến nhiều cơ quan, tổ chức, nhất là chính sách, văn bản quan trọng, có tác động lớn đến xã hội hoặc được dư luận xã hội quan tâm đã được Hội đồng chỉ đạo, định hướng triển khai kịp thời, có chất lượng. Vận hành chính quyền địa phương 2 cấp, chính quyền địa phương cấp xã có vai trò, trách nhiệm lớn hơn rất nhiều so với cấp xã trước đây cả về địa bàn, quy mô dân số, nhiệm vụ, quyền hạn, được thực hiện nhiều nhiệm vụ trước đây của cấp huyện và được phân cấp các nhiệm vụ khác từ Trung ương, cấp tỉnh. Tuy nhiên, Luật PBGDPL chưa quy định về Hội đồng cấp xã, dẫn đến công tác PBGDPL tại cơ sở còn hạn chế, chủ yếu dồn và tập trung vào đầu mỗi công chức tư pháp - hộ tịch trong bối cảnh khối lượng công việc, nhiệm vụ áp lực, quá tải; do đó chưa đáp ứng nhu cầu thực sự của người dân, doanh nghiệp trên địa bàn.

Thứ tám, nội dung, hình thức PBGDPL theo quy định của Luật chưa theo kịp thực tiễn; chưa chú trọng phân loại nội dung PBGDPL theo đối tượng. Hệ thống pháp luật đã được tiệm cận thống nhất với quốc tế, đồng thời yêu cầu đổi mới tư duy trong công tác xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật đòi hỏi điều chỉnh kịp thời cho phù hợp, bảo đảm nội dung PBGDPL được xây dựng, thiết kế dựa trên nhu cầu thực sự của từng nhóm đối tượng; một số hình thức PBGDPL đã lạc hậu, kém hiệu quả so với tình hình biến đổi nhanh chóng về công nghệ thông tin, chuyển đổi số hiện nay, dẫn đến quy định hiện hành mang tính hình thức, ít được sử dụng trên thực tế.

Thứ chín, quy định về kinh phí cho công tác PBGDPL chưa bảo đảm thống nhất, chưa tương xứng với vị trí, tầm quan trọng của công tác này trong bối cảnh mới. Quy định ngân sách Trung ương hỗ trợ kinh phí PBGDPL cho các địa phương chưa tự cân đối được ngân sách không được triển khai trên thực tế, thiếu tính khả thi do chưa thống nhất với quy định của Luật Ngân sách nhà nước. Đặc biệt, còn thiếu quy định về ưu tiên nguồn lực, kinh phí tương xứng về PBGDPL, nhất là cho các đối tượng đặc thù.

2.2. Bất cập, hạn chế trong tổ chức thực hiện Luật

Việc tổ chức thực hiện Luật số 14/2012/QH13 cũng có còn một số khó khăn, hạn chế: Một số cấp ủy, cơ quan, địa phương chưa quan tâm thật sự, chỉ đạo sát sao, quyết liệt đối với công tác PBGDPL; việc triển khai công tác PBGDPL có lúc, có nơi chưa kịp thời, chưa thật sự hiệu quả, chưa chú trọng theo dõi, đôn đốc và đánh giá hiệu quả PBGDPL gắn với thi hành pháp luật; hoạt động của Hội đồng các cấp đôi lúc còn mang tính hình thức, chậm đổi mới nội dung và phương pháp tổ chức hoạt động, chưa phát huy tốt vai trò của các thành viên Hội đồng trong phối hợp định hướng PBGDPL, nhất là những vấn đề dư luận quan tâm, cần định hướng dư luận, việc phản ứng chính sách thiếu kịp thời, công tác truyền thông chưa được chú trọng, thực hiện thường xuyên; đội ngũ báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật tuy đông về số lượng nhưng chưa chú trọng tới chất lượng hoạt động, việc tập huấn, bồi dưỡng về pháp luật và kỹ năng PBGDPL chưa được thực hiện thường xuyên; việc ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số chậm được triển khai, chưa theo kịp yêu cầu thực tiễn, phục vụ nhu cầu của người dân, doanh nghiệp tiếp cận pháp luật trên môi trường số; kinh phí dành cho công tác PBGDPL hằng năm chưa đồng đều, chưa bảo đảm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, chưa có cơ chế, chính sách đặc biệt tương xứng về kinh phí, nguồn lực cho công tác này.

Từ những cơ sở chính trị, pháp lý nêu trên và trước thực tiễn xã hội khi bước vào giai đoạn mới, nhu cầu hiểu biết pháp luật, tâm lý, thói quen tiếp nhận tri thức của người dân, doanh nghiệp có sự thay đổi về hình thức, cách thức tiếp cận, nhất là trong điều kiện mở cửa, hội nhập toàn cầu hóa, yêu cầu ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số mạnh mẽ trong quản lý nhà nước đòi hỏi nâng cao hơn nữa hiệu quả công tác PBGDPL, cần thiết sửa đổi Luật số 14/2012/QH13 nhằm thể chế hóa đầy đủ, kịp thời các chủ trương, định hướng của Đảng, bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất với các luật, văn bản có liên quan và đáp ứng yêu cầu, bối cảnh mới hiện nay.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG LUẬT

1. Mục đích ban hành

Việc xây dựng Luật số 12/2026/QH16 nhằm khắc phục những khó khăn, vướng mắc của Luật hiện hành; đổi mới hoạt động PBGDPL theo hướng lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm; bảo đảm quyền tiếp cận pháp luật, quyền tham gia góp ý, phản ánh, kiến nghị về chính sách, pháp luật; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, trí tuệ nhân tạo để tạo điều kiện cho người dân, doanh nghiệp tiếp cận pháp luật trên môi trường số; góp phần xây dựng văn hóa thượng tôn pháp luật và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2. Quan điểm xây dựng Luật

- Thể chế hóa đầy đủ, kịp thời các chủ trương, định hướng đổi mới của Đảng về công tác PBGDPL; kế thừa các quy định còn giá trị của Luật số

14/2012/QH13, sửa đổi các quy định không còn phù hợp; bám sát yêu cầu phân cấp, phân quyền và mô hình chính quyền địa phương hai cấp.

- Bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất của hệ thống pháp luật; xác định PBGDPL là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, Nhà nước giữ vai trò chủ đạo; lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm; chú trọng đối tượng đặc thù; tăng cường chuyển đổi số và thu hút nguồn lực xã hội.

- Bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ với các luật có liên quan; tương thích với điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên; bảo đảm tính khả thi trong điều kiện kinh tế - xã hội Việt Nam; tham khảo có chọn lọc kinh nghiệm phù hợp của các quốc gia trên thế giới.

PHẦN II. GIỚI THIỆU VĂN BẢN

I. BỐ CỤC CỦA LUẬT

Luật số 12/2026/QH16 gồm 05 chương, 39 điều, cụ thể như sau:

CHƯƠNG I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh;

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của công dân trong PBGDPL, truyền thông chính sách;

Điều 3. Chính sách của Nhà nước về PBGDPL, truyền thông chính sách;

Điều 4. Xã hội hóa công tác PBGDPL;

Điều 5. Nguyên tắc PBGDPL, truyền thông chính sách;

Điều 6. Quản lý nhà nước về PBGDPL, truyền thông chính sách;

Điều 7. Hội đồng phối hợp PBGDPL;

Điều 8. Ngày Pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam\

Điều 9. Các hành vi bị nghiêm cấm.

CHƯƠNG II. NỘI DUNG, HÌNH THỨC PBGDPL, TRUYỀN THÔNG CHÍNH SÁCH

Mục 1. PBGDPL CHUNG CHO TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

Điều 10. Nội dung PBGDPL;

Điều 11. Hình thức PBGDPL;

Điều 12. PBGDPL trên công, trang thông tin điện tử, báo chí, phương tiện thông tin đại chúng;

Điều 13. PBGDPL thông qua nền tảng số, mạng xã hội, ứng dụng trí tuệ nhân tạo;

Điều 14. PBGDPL thông qua hướng dẫn, giải đáp pháp luật;

Điều 15. PBGDPL thông qua công tác điều tra, thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp, xét xử, thi hành án và hoạt động tổ chức thi hành pháp luật.

Mục 2. PBGDPL CHO ĐỐI TƯỢNG ĐẶC THÙ

Điều 16. Đối tượng đặc thù;

Điều 17. Chính sách PBGDPL cho đối tượng đặc thù;

Điều 18. Trách nhiệm PBGDPL cho đối tượng đặc thù.

Mục 3. GIÁO DỤC PHÁP LUẬT TRONG CƠ SỞ GIÁO DỤC CỦA HỆ THỐNG GIÁO DỤC QUỐC DÂN

Điều 19. Mục đích, nội dung, hình thức giáo dục pháp luật;

Điều 20. Trách nhiệm trong giáo dục pháp luật.

Mục 4. TRUYỀN THÔNG CHÍNH SÁCH

Điều 21. Mục đích, nội dung, hình thức, thời điểm truyền thông chính sách;

Điều 22. Trách nhiệm thực hiện truyền thông chính sách.

CHƯƠNG III. TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TRONG PBGDPL

Điều 23. Trách nhiệm của cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản, cơ quan đề xuất điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế;

Điều 24. Trách nhiệm tổ chức PBGDPL của các cơ quan quản lý nhà nước;

Điều 25. Trách nhiệm của cơ quan của Quốc hội, Văn phòng Quốc hội, đại biểu Quốc hội;

Điều 26. Trách nhiệm của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm toán nhà nước;

Điều 27. Trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội;

Điều 28. Trách nhiệm của Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân;

Điều 29. Trách nhiệm của cơ quan báo chí;

Điều 30. Trách nhiệm của người sử dụng lao động;

Điều 31. Trách nhiệm của tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp về pháp luật; cơ sở đào tạo ngành luật, cơ sở đào tạo và bồi dưỡng chức danh tư pháp và cơ quan, tổ chức, cá nhân khác;

Điều 32. Trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp và cá nhân khác trong lực lượng vũ trang nhân dân;

Điều 33. Báo cáo viên pháp luật;

Điều 34. Tuyên truyền viên pháp luật;

Điều 35. Người được mời tham gia PBGDPL.

CHƯƠNG IV. CÁC ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO CÔNG TÁC PBGDPL

Điều 36. Bảo đảm tổ chức, nhân lực, cơ sở vật chất, phương tiện và kinh phí cho công tác PBGDPL;

Điều 37. Đánh giá hoạt động PBGDPL.

CHƯƠNG V. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 38. Hiệu lực thi hành;

Điều 39. Điều khoản chuyển tiếp.

II. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA LUẬT

1. Chương I. Những quy định chung, gồm 09 điều (Điều 1 đến Điều 9)

Chương I xác lập những nguyên tắc nền tảng của công tác PBGDPL và truyền thông chính sách; quy định quyền, nghĩa vụ của công dân, chính sách của Nhà nước, xã hội hóa, quản lý nhà nước, Hội đồng phối hợp PBGDPL, Ngày Pháp luật và các hành vi bị nghiêm cấm.

1.1. Phạm vi điều chỉnh; quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của công dân

- Điều 1 quy định Luật điều chỉnh quyền, nghĩa vụ, nội dung, hình thức, trách nhiệm quản lý nhà nước, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân, điều kiện bảo đảm PBGDPL và truyền thông chính sách.

- Điều 2 khẳng định công dân có quyền tiếp cận pháp luật; thụ hưởng và tham gia hoạt động PBGDPL, truyền thông chính sách; được hướng dẫn tìm hiểu pháp luật; tham gia đóng góp ý kiến xây dựng chính sách, pháp luật. Công dân đồng thời có nghĩa vụ tuân thủ Hiến pháp, pháp luật và chủ động học tập, tìm hiểu pháp luật, xây dựng văn hóa thượng tôn pháp luật.

1.2. Chính sách của Nhà nước và xã hội hóa công tác PBGDPL

- Nhà nước xác định PBGDPL là trách nhiệm của toàn hệ thống chính trị và xã hội; Nhà nước giữ vai trò chủ đạo, nòng cốt; xây dựng văn hóa thượng tôn pháp luật trở thành giá trị cốt lõi và nền tảng của đời sống xã hội.

- Ưu tiên nguồn lực tương xứng cho công tác PBGDPL cho đối tượng đặc thù; bảo đảm nội dung giáo dục pháp luật trong hệ thống giáo dục quốc dân; tăng cường bồi dưỡng kiến thức, ý thức chấp hành pháp luật cho cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang; ưu tiên, khuyến khích chuyển đổi số, ứng dụng trí tuệ nhân tạo và phát triển nguồn nhân lực số.

- Nhà nước khuyến khích tổ chức, cá nhân tham gia, hỗ trợ nguồn lực. Đáng chú ý, HĐND cấp tỉnh được quyền quyết định chính sách khác, ngoài chính sách do Chính phủ quy định, để khuyến khích tổ chức, cá nhân tham gia, hỗ trợ công tác PBGDPL tại địa phương.

1.3. Nguyên tắc PBGDPL, truyền thông chính sách

- Kịp thời, thường xuyên, liên tục, chính xác, rõ ràng, dễ hiểu, công khai và minh bạch.

- Nội dung, hình thức phải phù hợp với đặc điểm, nhu cầu, văn hóa, ngôn ngữ và địa bàn cư trú; lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm; kết hợp hài hòa hình thức truyền thống và hiện đại; đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng trí tuệ nhân tạo.

- Gắn kết chặt chẽ giữa xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật; bảo đảm tuân thủ các quy định về bí mật nhà nước, an ninh mạng, chuyển đổi số, trí tuệ nhân tạo, bảo vệ dữ liệu cá nhân.

- Đối với truyền thông chính sách, phải bảo đảm phù hợp với chủ trương, chính sách, mục tiêu của dự thảo; tương tác đa chiều, phản hồi, tiếp thu, giải trình; khách quan, thiết thực và vì lợi ích chung.

1.4. Quản lý nhà nước và Hội đồng phối hợp PBGDPL

- Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về PBGDPL, truyền thông chính sách.

- Hội đồng phối hợp PBGDPL có chức năng tư vấn về công tác PBGDPL, truyền thông chính sách, xây dựng văn hóa thượng tôn pháp luật và các giải pháp huy động nguồn lực.

- Hội đồng được thành lập ở trung ương, cấp tỉnh và cấp xã. Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập Hội đồng Trung ương; Chủ tịch Ủy ban nhân dân (UBND) cấp tỉnh và Chủ tịch UBND cấp xã quyết định thành lập Hội đồng ở cấp mình. Đây là nội dung quan trọng gắn với mô hình chính quyền địa phương hai cấp và yêu cầu đưa công tác PBGDPL hướng mạnh về cơ sở.

1.5. Ngày Pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Luật tiếp tục xác định ngày 09 tháng 11 hằng năm là Ngày Pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, được tổ chức nhằm tôn vinh Hiến pháp, pháp luật, giáo dục ý thức tuân thủ pháp luật và xây dựng văn hóa thượng tôn pháp luật trong xã hội.

1.6. Các hành vi bị nghiêm cấm

Điều 9 quy định 05 nhóm hành vi bị nghiêm cấm, trong đó cần đặc biệt lưu ý các hành vi cung cấp, chỉnh sửa, truyền đạt nội dung làm sai ý nghĩa pháp luật, chính sách; sử dụng công nghệ thông tin, trí tuệ nhân tạo hoặc phương tiện khác để tạo lập, phát tán thông tin, tài liệu giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung pháp luật, chính sách; lợi dụng hoạt động PBGDPL, truyền thông chính sách hoặc xã hội hóa để vi phạm pháp luật, trục lợi; cản trở quyền tiếp cận, tìm hiểu pháp luật.

2. Chương II. Nội dung, hình thức PBGDPL, truyền thông chính sách, gồm 13 điều (Điều 10 đến Điều 22)

Chương II được chia thành 04 mục, điều chỉnh tương đối toàn diện các phương thức PBGDPL trong môi trường truyền thống và môi trường số; chính

sách đối với đối tượng đặc thù; giáo dục pháp luật trong cơ sở giáo dục; và truyền thông chính sách.

2.1. PBGDPL chung cho tổ chức, cá nhân (Điều 10 đến Điều 15)

- Nội dung PBGDPL bao gồm Hiến pháp, bộ luật, luật và văn bản quy phạm pháp luật khác; điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế; thông tin về gương người tốt, việc tốt trong tổ chức thi hành pháp luật, xây dựng văn hóa thượng tôn pháp luật; và nội dung khác phù hợp với yêu cầu quản lý nhà nước, nhu cầu tìm hiểu pháp luật.

- Hình thức phổ biến được mở rộng, gồm Công Pháp luật quốc gia; cổng, trang thông tin điện tử; báo chí; nền tảng số, mạng xã hội, ứng dụng trí tuệ nhân tạo; hướng dẫn, giải đáp pháp luật; thông qua hoạt động tổ tụng, thi hành án, xử lý vi phạm, trợ giúp pháp lý, tư vấn pháp luật, hòa giải; diễn đàn, hội nghị, thi tìm hiểu pháp luật, tủ sách pháp luật; giáo dục pháp luật trong cơ sở giáo dục và các hình thức phù hợp khác.

- Cổng, trang thông tin điện tử của cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội và báo chí phải bố trí chuyên mục, chuyên trang ở vị trí dễ tiếp cận; ưu tiên nội dung có tác động lớn đến xã hội, liên quan trực tiếp đến quyền con người, quyền và nghĩa vụ của công dân, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

2.2. PBGDPL trên nền tảng số, mạng xã hội và ứng dụng trí tuệ nhân tạo (Điều 13)

- Xác lập Công Pháp luật quốc gia là nền tảng số quốc gia về pháp luật dùng chung cho các ngành, lĩnh vực. Cơ quan nhà nước có trách nhiệm chuẩn hóa, cập nhật, chia sẻ, quản lý dữ liệu pháp luật thuộc phạm vi quản lý trên Cổng.

- Cơ quan nhà nước có trách nhiệm thực hiện PBGDPL thông qua nền tảng số, mạng xã hội, ứng dụng trí tuệ nhân tạo; tổ chức, cá nhân được khuyến khích tham gia và khai thác dữ liệu pháp luật theo quy định.

- Việc PBGDPL trên mạng xã hội phải thông qua tài khoản chính thức đã được định danh và xác thực theo quy định của pháp luật.

- Khi ứng dụng trí tuệ nhân tạo phải kiểm soát, cập nhật dựa trên nguồn thông tin, dữ liệu chính thức; kiểm chứng trước khi cung cấp; thực hiện gắn nhãn cảnh báo, đính chính; chủ thể phát triển, vận hành hệ thống chịu trách nhiệm về tính chính xác của dữ liệu đầu vào và thông tin hệ thống cung cấp; đồng thời phải bảo đảm an toàn dữ liệu cá nhân.

2.3. Hướng dẫn, giải đáp và lồng ghép phổ biến pháp luật trong hoạt động công vụ, tư pháp (Điều 14, Điều 15)

- Cơ quan, người có thẩm quyền đang giải quyết vụ việc có trách nhiệm hướng dẫn, giải đáp quy định pháp luật liên quan trực tiếp đến vụ việc khi cơ quan, tổ chức, cá nhân có yêu cầu.

- Khuyến khích tổ chức cung cấp dịch vụ pháp lý, cơ sở đào tạo, cơ sở nghiên cứu ngành luật và tổ chức khác tham gia hướng dẫn, giải đáp pháp luật miễn phí.

- Hoạt động điều tra, thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp, xét xử, thi hành án; xử lý vi phạm hành chính, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, đối thoại với Nhân dân và hoạt động tổ chức thi hành pháp luật khác được xác định là kênh trực tiếp để PBGDPL cho đối tượng có liên quan.

2.4. PBGDPL cho đối tượng đặc thù (Điều 16 đến Điều 18)

Luật quy định 08 nhóm đối tượng đặc thù, gồm:

- + Người dân tộc thiểu số; người dân cư trú ở vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

- + Người lao động trong khu công nghiệp, khu chế xuất; người lao động có thu nhập thấp.

- + Người bị bạo lực, người có hành vi bạo lực trong vụ việc bạo lực gia đình, bạo lực học đường hoặc bạo lực khác; nạn nhân của hành vi mua bán người.

- + Người khuyết tật.

- + Người thuộc hộ nghèo, người thuộc hộ cận nghèo.

- + Người cao tuổi.

- + Người đang chấp hành án phạt tù; người được hưởng án treo; người đang chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ; người chấp hành xong án phạt tù đang tái hòa nhập cộng đồng; người đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính.

- + Đối tượng khác do Chính phủ quy định căn cứ mức độ khó khăn trong tiếp cận pháp luật, nhu cầu PBGDPL đặc thù để thực hiện chính sách ưu tiên phù hợp từng thời kỳ.

Đối với nhóm đặc thù, Luật quy định việc xây dựng chương trình, đề án phù hợp; tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật, kỹ năng phổ biến chuyên biệt cho báo cáo viên, tuyên truyền viên, người biết tiếng dân tộc thiểu số và người được mời tham gia PBGDPL. Các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan có trách nhiệm hướng dẫn nội dung, hình thức, bố trí kinh phí hằng năm và tổ chức thực hiện trong phạm vi quản lý.

2.5. Giáo dục pháp luật trong cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân (Điều 19, Điều 20)

- Mục đích là trang bị kiến thức pháp luật, nâng cao kỹ năng sử dụng pháp luật và xây dựng văn hóa thượng tôn pháp luật cho người học.

- Giáo dục pháp luật được thực hiện bằng chương trình chính khóa và ngoại khóa; nội dung phù hợp với từng cấp học, trình độ đào tạo, ngành, nghề; có thể lồng ghép, tích hợp hoặc thiết kế thành môn học, học phần phù hợp.

- Cơ sở giáo dục, cơ sở giáo dục nghề nghiệp có trách nhiệm tổ chức giáo dục pháp luật cho người học và tạo điều kiện bồi dưỡng pháp luật cho giáo viên,

giảng viên; cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp đưa nội dung pháp luật liên quan ngành, nghề vào chương trình đào tạo.

2.6. Truyền thông chính sách (Điều 21, Điều 22)

Luật dành một mục riêng để quy định truyền thông chính sách, xác định đây là hoạt động cung cấp thông tin và tương tác đa chiều về chính sách, dự thảo văn bản trong quá trình đề xuất và soạn thảo.

- Mục đích: nâng cao nhận thức và trách nhiệm tham gia xây dựng chính sách; cung cấp thông tin kịp thời, chính xác; tiếp nhận phản hồi để hoàn thiện chính sách; định hướng thông tin, đấu tranh với thông tin sai lệch, xuyên tạc.

- Nội dung: sự cần thiết, mục đích, quan điểm, phạm vi, đối tượng; nội dung cơ bản, nhất là nội dung có tác động lớn hoặc còn nhiều ý kiến; nội dung mới, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ liên quan thẩm quyền, trách nhiệm, quyền, lợi ích và nghĩa vụ.

- Hình thức: Cổng Pháp luật quốc gia; cổng, trang thông tin điện tử; báo chí; nền tảng số, mạng xã hội và hình thức khác phù hợp.

- Cơ quan lập đề xuất chính sách, cơ quan chủ trì soạn thảo có trách nhiệm chủ trì, phối hợp thực hiện truyền thông; tiếp nhận, tổng hợp, giải trình đầy đủ, công khai, kịp thời ý kiến góp ý, phản hồi. Cơ quan báo chí chủ động hoặc phối hợp thực hiện truyền thông chính sách.

3. Chương III. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong PBGDPL, gồm 13 điều (Điều 23 đến Điều 35)

3.1. Phân định trách nhiệm của cơ quan chủ trì soạn thảo và cơ quan quản lý nhà nước

- Cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản có trách nhiệm xây dựng thông cáo báo chí, tài liệu giới thiệu, biên soạn tài liệu phổ biến; đăng tải trên Cổng Pháp luật quốc gia và cổng, trang thông tin điện tử; cử báo cáo viên, người có chuyên môn hoặc giới thiệu chuyên gia tham gia phổ biến văn bản.

- Cơ quan đề xuất điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế có trách nhiệm biên soạn, đăng tải tài liệu phổ biến theo phạm vi được giao.

- Chính phủ lãnh đạo, chỉ đạo; Bộ, cơ quan ngang Bộ tổ chức phổ biến đối với văn bản, điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế thuộc lĩnh vực phụ trách.

3.2. Trách nhiệm của chính quyền địa phương

- UBND cấp tỉnh có trách nhiệm tổ chức PBGDPL tại địa phương đối với văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên, HĐND cấp tỉnh, Chủ tịch UBND cấp tỉnh và văn bản do UBND cấp tỉnh ban hành; điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế được ký kết nhân danh Nhà nước, Chính phủ và do địa phương ký kết.

- UBND cấp xã có trách nhiệm tổ chức PBGDPL về nội dung thuộc trách nhiệm, phạm vi quản lý của chính quyền địa phương cấp xã hoặc theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền; phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan thực hiện PBGDPL tại địa phương.

- Chủ tịch UBND các cấp trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo và chịu trách nhiệm về kết quả công tác PBGDPL thuộc phạm vi quản lý; chỉ đạo phổ biến pháp luật cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thuộc phạm vi quản lý.

- HĐND cấp tỉnh ban hành cơ chế bảo đảm nguồn lực, kinh phí cho công tác PBGDPL tại địa phương; HĐND các cấp quyết định các biện pháp bảo đảm thực hiện.

3.3. Trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan báo chí, người sử dụng lao động và các chủ thể khác

- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội tổ chức phổ biến pháp luật cho thành viên, hội viên, đoàn viên; vận động tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân tham gia, hỗ trợ hoạt động; phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước và chính quyền địa phương; tổ chức tập huấn, bồi dưỡng cho báo cáo viên, tuyên truyền viên.

- Cơ quan báo chí chủ động hoặc phối hợp phổ biến pháp luật; phản ánh ý kiến, kiến nghị về các vấn đề dư luận quan tâm; kịp thời đấu tranh, phản bác thông tin sai lệch, xuyên tạc chính sách, pháp luật.

- Người sử dụng lao động có trách nhiệm phối hợp phổ biến pháp luật về quyền, nghĩa vụ trong quan hệ lao động và tạo điều kiện cho người lao động tham gia hoạt động PBGDPL tại doanh nghiệp.

- Các tổ chức nghề nghiệp về pháp luật, tổ chức cung cấp dịch vụ pháp lý, cơ sở đào tạo ngành luật và cơ sở đào tạo, bồi dưỡng chức danh tư pháp có trách nhiệm lồng ghép phổ biến pháp luật, phối hợp tham gia phổ biến và bồi dưỡng nguồn nhân lực.

- Các thành viên trong gia đình có trách nhiệm gương mẫu chấp hành pháp luật; giáo dục, tạo điều kiện cho thành viên khác tìm hiểu, học tập pháp luật, rèn luyện ý thức tôn trọng, chấp hành pháp luật.

3.4. Trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và lực lượng vũ trang

Điều 32 yêu cầu các chủ thể này tích cực, chủ động học tập pháp luật; lồng ghép PBGDPL qua hoạt động chuyên môn, nghề nghiệp; hướng dẫn, giải đáp pháp luật trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện nhiệm vụ; phối hợp tổ chức phổ biến pháp luật; tiếp nhận, phản ánh ý kiến, kiến nghị của Nhân dân và đề xuất giải pháp hoàn thiện pháp luật.

3.5. Báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật và người được mời tham gia PBGDPL

- Báo cáo viên pháp luật có thể là cán bộ, công chức, viên chức, sĩ quan trong lực lượng vũ trang, luật sư, luật gia đáp ứng tiêu chuẩn về phẩm chất, khả năng truyền đạt và trình độ, thời gian công tác theo Điều 33.

- Chủ tịch UBND cấp tỉnh lựa chọn, công bố danh sách báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh; Chủ tịch UBND cấp xã lựa chọn, công bố danh sách báo cáo viên

pháp luật cấp xã. Việc bổ sung báo cáo viên pháp luật cấp xã là một điểm mới quan trọng nhằm tăng cường nguồn nhân lực pháp luật tại cơ sở.

- Tuyên truyền viên pháp luật là người cư trú hoặc làm việc trên địa bàn cấp xã, có uy tín, kiến thức, am hiểu pháp luật và khả năng truyền đạt; Chủ tịch UBND cấp xã lựa chọn, công bố danh sách trên cơ sở sự đồng ý của cá nhân được lựa chọn.

- Người được mời tham gia PBGDPL là chuyên gia, người có trình độ chuyên môn phù hợp và am hiểu pháp luật được cơ quan, tổ chức mời tham gia.

4. Chương IV. Các điều kiện bảo đảm cho công tác PBGDPL, gồm 02 điều (Điều 36 và Điều 37)

4.1. Bảo đảm tổ chức, nhân lực, cơ sở vật chất, phương tiện và kinh phí

- Người đứng đầu cơ quan, tổ chức có trách nhiệm phân công, bố trí nhân lực, báo cáo viên, tuyên truyền viên và bảo đảm cơ sở vật chất, phương tiện cho công tác PBGDPL.

- Việc bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho cán bộ, công chức, viên chức được lồng ghép và ưu tiên trong chương trình bồi dưỡng hằng năm, phù hợp yêu cầu nhiệm vụ và vị trí việc làm.

- Kinh phí do ngân sách nhà nước bảo đảm theo pháp luật về ngân sách và được huy động từ nguồn kinh phí hợp pháp khác; ưu tiên kinh phí PBGDPL cho đối tượng đặc thù.

4.2. Đánh giá hoạt động PBGDPL

Cơ quan quản lý nhà nước về PBGDPL tổ chức đánh giá hoạt động theo định kỳ hoặc đột xuất. Tiêu chí đánh giá được xây dựng dựa trên mức độ tiếp cận pháp luật, hiểu biết và tuân thủ pháp luật, sự hài lòng của đối tượng thụ hưởng và các nội dung phù hợp khác. Quy định này định hướng chú trọng kết quả, mức độ tiếp cận và hiệu quả thực chất của hoạt động PBGDPL.

5. Chương V. Điều khoản thi hành, gồm 02 điều (Điều 38 và Điều 39)

- Luật có hiệu lực thi hành từ ngày 01/3/2027.

- Luật PBGDPL số 14/2012/QH13 hết hiệu lực kể từ ngày Luật năm 2026 có hiệu lực, trừ trường hợp chuyển tiếp tại khoản 2 Điều 39.

- Báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật đã được công nhận trước ngày Luật có hiệu lực tiếp tục làm báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật.

- Trường hợp báo cáo viên, tuyên truyền viên đang làm thủ tục miễn nhiệm, cho thôi theo Luật số 14/2012/QH13 mà đến ngày Luật năm 2026 có hiệu lực vẫn chưa hoàn thành thì tiếp tục thực hiện theo Luật số 14/2012/QH13.

III. NHỮNG ĐIỂM MỚI CỦA LUẬT

1. Phân định rõ trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức trong PBGDPL

Luật đã bổ sung, quy định rõ trách nhiệm của cơ quan chủ trì soạn thảo văn

bản quy phạm pháp luật, cơ quan đề xuất điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế trong xây dựng các tài liệu phục vụ công tác PBGDPL; phân định với trách nhiệm tổ chức PBGDPL của các cơ quan quản lý nhà nước; bổ sung mới trách nhiệm của một số chủ thể như các cơ quan của Quốc hội, người sử dụng lao động, cơ quan báo chí...

2. Điều chỉnh, bổ sung mới một số đối tượng đặc thù và ưu tiên có chính sách PBGDPL cho đối tượng này

Luật quy định 08 nhóm đặc thù, trong đó bổ sung mới người thuộc hộ nghèo, người thuộc hộ cận nghèo, người cao tuổi, người chấp hành xong án phạt tù đang tái hòa nhập cộng đồng, nạn nhân của hành vi mua bán người; mở rộng nhóm “người dân tộc thiểu số”, “nạn nhân bạo lực”. Đồng thời, Luật quy định một số chính sách về PBGDPL cho đối tượng đặc thù. Ngoài ra, Luật cũng quy định trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức trong PBGDPL cho đối tượng đặc thù, trong đó có các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan đến đối tượng đặc thù; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội, người sử dụng lao động, cơ quan thi hành án, UBND, cơ quan, tổ chức có liên quan.

3. Ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo, mạng xã hội và các nền tảng số để người dân, doanh nghiệp tiếp cận pháp luật thuận lợi, hiệu quả

Luật đã bổ sung chính sách ưu tiên, khuyến khích thực hiện PBGDPL thông qua nền tảng số, mạng xã hội, ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI); quy định trách nhiệm bảo đảm an toàn, phòng ngừa, hạn chế rủi ro khi PBGDPL trên nền tảng số, mạng xã hội, AI; cơ chế kiểm soát khi ứng dụng AI. Trong đó phải có sự kiểm soát thông tin dựa trên dữ liệu chính thức của cơ quan nhà nước; thực hiện kiểm chứng trước khi cung cấp, gắn nhãn cảnh báo, đính chính và chịu trách nhiệm về tính chính xác của dữ liệu đầu vào; bổ sung hành vi nghiêm cấm để tạo lập, phát tán thông tin, tài liệu giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung pháp luật, chính sách.

Bên cạnh đó, Luật đã xác lập vị trí của Cổng Pháp luật quốc gia là nền tảng số quốc gia về pháp luật dùng chung cho các ngành, lĩnh vực, tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân, người dân, doanh nghiệp tiếp cận pháp luật, PBGDPL.

4. Bổ sung quy định về truyền thông chính sách

Luật quy định các nguyên tắc, mục đích, nội dung, hình thức thực hiện truyền thông chính sách để nâng cao chất lượng xây dựng pháp luật, tạo đồng thuận xã hội trong thi hành pháp luật; quy định trách nhiệm của cơ quan chủ trì lập đề xuất chính sách, cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản trong truyền thông chính sách; vai trò, trách nhiệm của cơ quan báo chí; việc tiếp nhận, tổng hợp, giải trình đầy đủ, công khai và kịp thời các ý kiến góp ý, phản hồi.

5. Quy định Hội đồng phối hợp PBGDPL được thành lập và hoạt động thống nhất ở trung ương, cấp tỉnh, cấp xã

Hội đồng phối hợp PBGDPL là tổ chức có chức năng tư vấn cho Chính phủ, Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan, tổ chức ở trung ương, UBND về công tác PBGDPL, truyền thông chính sách, xây dựng văn hóa thượng tôn pháp luật và các

giải pháp huy động nguồn lực cho công tác PBGDPL. Các thành viên Hội đồng hoạt động kiêm nhiệm. Luật quy định Hội đồng phối hợp PBGDPL có thể được thành lập ở Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan, tổ chức ở trung ương do người đứng đầu cơ quan, tổ chức đó quyết định.

Trong bối cảnh chính quyền cấp xã có quy mô quản lý về địa giới, dân cư được mở rộng, được phân cấp, phân quyền nhiều nhiệm vụ, việc thành lập Hội đồng phối hợp PBGDPL cấp xã nhằm góp phần nâng cao hiệu quả PBGDPL và đưa công tác này hướng mạnh về cơ sở, bảo đảm thiết thực, phục vụ kịp thời nhu cầu tiếp cận pháp luật của người dân.

6. Hoàn thiện chính sách, quy định về kinh phí cho công tác PBGDPL

Luật quy định có chính sách ưu tiên nguồn lực tương xứng cho công tác PBGDPL; tạo điều kiện thuận lợi cho người Việt Nam định cư ở nước ngoài học tập, tìm hiểu pháp luật Việt Nam; lồng ghép nguồn lực trong các chương trình, đề án có liên quan; tăng cường bồi dưỡng kiến thức pháp luật, ý thức chấp hành pháp luật nhằm nâng cao kỷ luật, kỷ cương, tính gương mẫu của cán bộ, công chức, viên chức và sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, cá nhân khác trong lực lượng vũ trang nhân dân trong hoạt động công vụ, hoạt động nghề nghiệp và xây dựng văn hóa thượng tôn pháp luật.

Bên cạnh đó, để huy động nguồn lực xã hội, tăng cường phân quyền cho chính quyền địa phương, Luật quy định HĐND cấp tỉnh được quyền quyết định chính sách khác để khuyến khích tổ chức, cá nhân tham gia, hỗ trợ công tác PBGDPL tại địa phương để tạo cơ sở pháp lý cho cấp tỉnh chủ động, linh hoạt quyết định cơ chế, chính sách phù hợp, thu hút nguồn lực xã hội cho công tác PBGDPL.

7. Tăng cường thu hút, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tham gia công tác PBGDPL

Luật bổ sung quy định về báo cáo viên pháp luật cấp xã nhằm huy động tối đa đội ngũ nhân lực có kinh nghiệm, kiến thức và kỹ năng tham gia PBGDPL tại địa bàn cơ sở; đổi mới việc quản lý báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật theo hướng đơn giản hóa thủ tục, giảm chi phí tuân thủ; phân cấp, phân quyền cho người đứng đầu Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan trung ương trong việc lựa chọn, công bố danh sách báo cáo viên pháp luật của cơ quan mình.

8. Hoàn thiện các quy định khác về nguyên tắc, hành vi bị nghiêm cấm, giáo dục pháp luật và đánh giá hiệu quả

Luật bổ sung yêu cầu lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm; bảo đảm phù hợp văn hóa, ngôn ngữ, địa bàn cư trú; kiểm soát thông tin sai lệch trong môi trường số; đổi mới giáo dục pháp luật trong hệ thống giáo dục quốc dân; và quy định đánh giá dựa trên mức độ tiếp cận, hiểu biết, tuân thủ pháp luật và sự hài lòng của đối tượng thụ hưởng. Ngoài ra, Luật có một số điểm mới liên quan đến nguyên tắc, các hành vi bị nghiêm cấm, công tác giáo dục pháp luật trong cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân, đánh giá hoạt động PBGDPL...

PHẦN III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. TỔ CHỨC THI HÀNH LUẬT

Để triển khai có hiệu quả Luật trên địa bàn tỉnh, các cơ quan, đơn vị, địa phương căn cứ chức năng, nhiệm vụ, cần chú trọng thực hiện các nội dung sau:

- 1. Tổ chức quán triệt, phổ biến, tập huấn các nội dung cơ bản của Luật.**
- 2. Rà soát các văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND, Chủ tịch UBND tỉnh có liên quan để đề xuất sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới.**
- 3. Rà soát, kiện toàn cơ chế phối hợp ở cấp tỉnh và cấp xã. Sau khi có quy định chi tiết của Chính phủ, rà soát tổ chức, hoạt động của Hội đồng phối hợp PBGDPL cấp tỉnh; hướng dẫn, triển khai việc thành lập, kiện toàn Hội đồng cấp xã theo Điều 7, bảo đảm rõ đầu mối, rõ trách nhiệm, phù hợp mô hình chính quyền địa phương hai cấp.**
- 4. Rà soát đội ngũ hiện có, thực hiện đúng quy định chuyển tiếp tại Điều 39; chuẩn bị các điều kiện để lựa chọn, công bố báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh và cấp xã, tuyên truyền viên pháp luật; tăng cường bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng truyền đạt, kỹ năng số và kỹ năng phổ biến pháp luật cho đối tượng đặc thù.**
- 5. Tổ chức phổ biến pháp luật phù hợp với từng nhóm đối tượng và địa bàn. Khi xây dựng kế hoạch phổ biến tại địa phương, cần căn cứ Điều 16 đến Điều 18 để xác định đúng nhóm đối tượng đặc thù; lựa chọn nội dung, hình thức, ngôn ngữ và phương thức phù hợp với nhu cầu, văn hóa và địa bàn cư trú; ưu tiên hướng dẫn pháp luật thiết thực, dễ hiểu, dễ áp dụng.**
- 6. Đẩy mạnh phổ biến pháp luật trên môi trường số nhưng bảo đảm tính chính xác, an toàn. Tăng cường khai thác Cổng Pháp luật quốc gia, cổng/trang thông tin điện tử, nền tảng số và mạng xã hội chính thức. Khi sử dụng trí tuệ nhân tạo phải bảo đảm dữ liệu từ nguồn chính thức, kiểm chứng trước khi cung cấp; thực hiện cảnh báo, đính chính khi cần; bảo vệ dữ liệu cá nhân và chịu trách nhiệm về nội dung cung cấp theo Điều 13.**
- 7. Tăng cường truyền thông chính sách ngay từ quá trình xây dựng văn bản. Đối với chính sách, dự thảo văn bản thuộc thẩm quyền địa phương, cơ quan lập đề xuất và cơ quan chủ trì soạn thảo cần chủ động truyền thông các nội dung quan trọng, nội dung tác động lớn; tiếp nhận, tổng hợp, giải trình công khai, kịp thời phản hồi của cơ quan, tổ chức, người dân và doanh nghiệp.**
- 8. Bảo đảm nguồn lực và nghiên cứu chính sách khuyến khích xã hội hóa**
Căn cứ Điều 4, Điều 28 và Điều 36, cần bảo đảm nhân lực, cơ sở vật chất, phương tiện, kinh phí cho công tác PBGDPL; ưu tiên nguồn lực cho đối tượng đặc thù; đồng thời nghiên cứu, tham mưu cơ chế thuộc thẩm quyền HĐND cấp tỉnh để khuyến khích tổ chức, cá nhân tham gia, hỗ trợ công tác PBGDPL tại địa phương.
- 9. Gắn PBGDPL với hoạt động công vụ và phục vụ Nhân dân. Các cơ quan, cán bộ, công chức, viên chức cần chủ động lồng ghép hướng dẫn, giải đáp pháp**

luật trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm và các hoạt động chuyên môn; tăng cường tiếp nhận, phản ánh kiến nghị của Nhân dân để nâng cao hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật.

10. Đổi mới theo dõi, đánh giá hiệu quả. Việc đánh giá không chỉ tập trung vào số lượng hội nghị, tài liệu hoặc lượt người tham dự mà cần hướng tới các tiêu chí được Luật xác định: mức độ tiếp cận pháp luật, hiểu biết và tuân thủ pháp luật, sự hài lòng của đối tượng thụ hưởng và các tiêu chí khác theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

II. MỘT SỐ LƯU Ý ĐỐI VỚI BÁO CÁO VIÊN, TUYÊN TRUYỀN VIÊN PHÁP LUẬT

- Làm rõ quyền tiếp cận pháp luật của công dân đồng thời với nghĩa vụ chủ động tìm hiểu, tuân thủ pháp luật và trách nhiệm xây dựng văn hóa thượng tôn pháp luật.

- Tập trung giới thiệu các quy định mới có tác động trực tiếp đến địa phương: Hội đồng phối hợp cấp xã; báo cáo viên pháp luật cấp xã; trách nhiệm của HĐND, UBND các cấp; chính sách cho đối tượng đặc thù; xã hội hóa và cơ chế bảo đảm nguồn lực.

- Khi phổ biến trên mạng xã hội hoặc sử dụng công cụ trí tuệ nhân tạo, phải sử dụng nguồn pháp luật chính thức, kiểm chứng nội dung, không tạo hoặc phát tán tài liệu làm sai lệch chính sách, pháp luật.

- Lựa chọn cách diễn đạt rõ ràng, dễ hiểu; hình thức phù hợp với văn hóa, ngôn ngữ, nhu cầu và địa bàn cư trú của đối tượng được phổ biến; kết hợp linh hoạt phương thức trực tiếp với phương thức số.

- Giải thích rõ quy định chuyển tiếp đối với báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật đã được công nhận trước ngày Luật có hiệu lực.

Trong thời gian tới, việc tổ chức triển khai có hiệu quả các quy định của Luật đòi hỏi các cơ quan, đơn vị, địa phương và mỗi cán bộ, công chức, viên chức phải chủ động đổi mới nội dung, phương thức tuyên truyền; gắn PBGDPL với hoạt động chuyên môn, với nhu cầu thực tiễn của người dân và với tiến trình chuyển đổi số. Hiệu quả của công tác này cần được đánh giá không chỉ thông qua số lượng hoạt động được tổ chức mà còn bằng mức độ tiếp cận, hiểu biết, tuân thủ pháp luật và sự hài lòng của đối tượng thụ hưởng. Qua đó, góp phần nâng cao ý thức pháp luật, tăng cường kỷ luật, kỷ cương và từng bước xây dựng văn hóa thượng tôn pháp luật trong toàn xã hội./.